

Bản án số: 41/2022/DS-PT

Ngày: 01- 3-2022

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng
Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 171/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021; tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2021/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2021/QĐPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1987

1.2 Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Nguyễn Thị Đ: ông Lê Hữu Ngh; địa chỉ cư trú: ấp T2, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang làm đại diện (văn bản ủy quyền đề ngày 09/11/2020). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1989 (có mặt)

2.2 Anh Nguyễn Văn Huy Đ1, sinh năm 1992. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp PĐ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Huy Đ1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Lê Hữu Ngh là người đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ trình bày: do mối quan hệ anh em ruột với nhau giữa ông Nguyễn Văn Tr với ông Nguyễn Văn L (đã chết), bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (đã chết) vào ngày 20/01/2016 ông L, bà L1 có nhờ vợ chồng ông Tr, bà Đ đứng tên vay số tiền vốn 200.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh PT (Agribank) theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD: 6704-LAV-201600151 và thế chấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất với DT 6.051m², các hợp đồng ký kết vay tại Ngân hàng đều do vợ chồng ông Tr, bà Đ trực tiếp ký kết và nhận tiền tại Ngân hàng, sau đó đem tiền vốn vay về cho ông L, bà L1 mượn lại, các bên thỏa thuận với nhau không có giấy tờ gì chứng minh, chỉ thỏa thuận miệng với nhau do anh em ruột trong gia đình, cũng không thỏa thuận mức lãi gì hết, 02 bên chỉ thỏa thuận phía ông L, bà L1 đến định kỳ đóng lãi và trả vốn vay khi đáo hạn cho Ngân hàng. Sau đó, ông L và người con ruột tên Nguyễn Thị Bé H đã thực hiện việc đóng lãi và vốn vay như thỏa thuận, cụ thể lần trả lãi và vốn vay cho lần thứ 01 tại Ngân hàng như sau:

- Chị Nguyễn Thị Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 22/02/2016 của Agribank số tiền là 1.594.444 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 23/3/2016 của Agribank số tiền là 1.205.556 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 26/4/2016 của Agribank số tiền là 1.166.667 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 24/5/2016 của Agribank số tiền là 1.205.556 đồng.

- Ông Nguyễn Văn L trả lãi theo phiếu thu ngày 27/6/2016 của Agribank số tiền là 1.166.667 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 29/7/2016 của Agribank số tiền là 1.205.556 đồng;

- Ông Nguyễn Văn L trả vốn vay đáo hạn với số tiền là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 1.361.111 đồng theo phiếu thu ngày 05/9/2016 của Agribank.

Sau khi ông L trả vốn vay đáo hạn xong thì đến ngày 06/9/2016, vợ chồng ông L và bà L1 tiếp tục nhờ ông Tr, bà Đ vay lại số tiền vốn 200.000.000 đồng của Agribank theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD: 6704-LAV-201600151, đưa cho ông L, bà L1 mượn lại tiếp số tiền này. Vẫn thỏa thuận ông L, bà L1 sẽ trả lãi hàng tháng cho Agribank và hoàn trả vốn vay gốc khi đáo hạn như trước đây. Sau đó, ông L và Bé H vẫn tiếp tục trả lãi và vốn vay cho Ngân hàng của lần vay thứ 02 cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 04/11/2016 của Agribank số tiền là 3.111.111 đồng.

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 28/12/2016 của Agribank số tiền là 3.388.889 đồng.

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 21/02/2017 của Agribank số tiền là 3.277.778 đồng.

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 15/3/2017 của Agribank số tiền là 1.722.222 đồng.

- Ông L trả vốn vay đáo hạn với số tiền là 200.000.000 đồng và lãi là 2.833.333 đồng theo phiếu thu ngày 22/5/2017 của Agribank.

Sau khi ông L trả nợ đáo hạn xong thì trong ngày 22/5/2017, vợ chồng ông L và bà L1 tiếp tục nhờ ông Tr, bà Đ vay lại số tiền 200.000.000 đồng của Agribank theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD: 6704-LAV-201701081, sau đó đưa cho ông L, bà L1 mượn lại. Vẫn thỏa thuận ông L, bà L1 sẽ trả lãi cho Agribank và hoàn trả vốn gốc khi đáo hạn như trước. Sau đó, ông L và Bé H vẫn tiếp tục trả lãi và vốn cụ thể:

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 10/8/2017 của Agribank số tiền là 5.500.000 đồng.

- Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 20/10/2017 của Agribank số tiền là 1.666.667 đồng và 3.388.889 đồng.

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 27/12/2017 của Agribank số tiền là 5.000.000 đồng.

- Ông L trả vốn đáo hạn với số tiền là 200.000.000 đồng và lãi là 4.222.222 đồng theo phiếu thu ngày 16/5/2018 của Agribank.

Sau khi ông L trả nợ đáo hạn xong cùng ngày 16/5/2018, ông L tiếp tục nhờ ông Tr, bà Đ vay lại số tiền vốn là 250.000.000 đồng của Agribank theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD: 6704-LAV-201801022, đưa cho ông L mượn lại. Vẫn thỏa thuận ông L sẽ trả lãi cho Agribank và hoàn trả vốn gốc khi đáo hạn như trước. Sau đó, ông L và Bé H vẫn tiếp tục trả lãi và vốn cụ thể:

- Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 15/8/2018 của Agribank số tiền là 7.361.111 đồng.

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 18/10/2018 của Agribank số tiền là 6.319.444 đồng.

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 20/02/2019 của Agribank số tiền là 5.250.000 đồng.

- Ông L trả vốn đáo hạn với số tiền là 250.000.000 đồng và lãi là 4.722.222 đồng theo phiếu thu ngày 08/5/2019 của Agribank.

Sau khi ông L trả nợ đáo hạn xong nêu trên đến ngày 13/5/2019, ông L tiếp tục nhờ ông Tr, bà Đ vay lại số tiền vốn là 250.000.000 đồng của Agribank theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD: 6704-LAV-201901132, đưa cho ông L mượn lại. Vẫn thỏa thuận ông L sẽ trả lãi cho Agribank và hoàn trả vốn gốc khi đáo hạn như trước. Sau đó, ông L và Bé H vẫn tiếp tục trả lãi và vốn cụ thể:

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 02/8/2019 của Agribank số tiền là 7.982.877 đồng.

- Ông L trả lãi theo phiếu thu ngày 25/11/2019 của Agribank số tiền là 6.544.521 đồng.

- Bé H trả lãi theo phiếu thu ngày 25/02/2020 của Agribank số tiền là 6.544.521 đồng nhưng sau khi ký tên vào phiếu thu thì Bé H lại ghi họ tên Nguyễn Văn Tr.

Khi đến hạn trả đáo hạn, ông L không có tiền và cũng không tìm được người để vay số tiền 250.000.000 đồng để nộp cho Ngân hàng, vì vậy có nhờ ông Tr và bà Đ mượn giùm số tiền của anh chị em ruột trong gia đình đưa cho ông L trả tiền cho Ngân hàng, khi nào vay vốn lại được sẽ hoàn trả lại, nên ông Tr và bà Đ có đến mượn của ông Nguyễn Văn H1 số tiền 100.000.000 đồng; bà Nguyễn Ngọc A số 24 chỉ vàng 24 kara và số tiền 40.000.000 đồng đem về cho ông L mượn lại để trả đáo hạn cho Ngân hàng.

- Ông L trả vốn đáo hạn với số tiền là 250.000.000 đồng và lãi là 4.602.740 đồng theo phiếu thu ngày 04/5/2020 của Agribank.

Cũng như các lần trước ông L tiếp tục nhờ ông Tr, bà Đ ký hồ sơ vay và thế chấp giấy QSDĐ tại Ngân hàng với số tiền vốn vay được là 226.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD: 6704-LAV-202001204, ngày 6/5/2020 và số tiền này ông Tr và bà Đ tiếp tục cho ông L mượn lại, đồng thời ông L thêm tiền vào nhờ ông Tr, bà Đ để trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 100.000.000 đồng; bà Nguyễn Ngọc A số 24 chỉ vàng 24 kara và số tiền 40.000.000 đồng nhờ mượn trước đó.

Đến ngày 05/4/2020 âm (ngày 27/5/2020 dương) ông L chết thì khi đến hạn thanh toán lãi định kỳ là 03 tháng cho Ngân hàng thì ông Tr và bà Đ có đến liên hệ với các con của ông L là chị Nguyễn Thị Bé H, anh Nguyễn Văn Huy Đ1 để trả lãi cho Ngân hàng nhưng chị H, anh Huy Đ1 không đồng ý vì cho rằng hoàn toàn không biết số nợ mà cha, mẹ đã nhờ ông Tr và bà Đ vay giùm tại Ngân hàng, từ đó buộc ông Tr và bà Đ phải đứng ra trả lãi cho Ngân hàng hết số tiền 7.607.000 đồng và số tiền vốn vay là 226.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào năm 2015 ông L, bà L1 có mượn số tiền vốn là 100.000.000 đồng, do chỗ quên biết nên không có làm giấy tờ gì. Đến tháng 7/2016 thì ông L bán đất có trả được 70.000.000 đồng, còn nợ lại là số tiền 30.000.000 đồng thiếu cho đến nay.

Do, ông L và bà L1 đã chết nên ông Tr và bà Đ yêu cầu những người hưởng thừa kế nghĩa vụ của ông L và bà L1 là chị Nguyễn Thị Bé H, anh Nguyễn Văn Huy Đ1 liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Tr và bà Đ tổng cộng số tiền là 226.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD: 6704-LAV-202001204, ngày 6/5/2020 và số tiền 30.000.000 đồng; tổng cộng là 256.000.000 đồng trong phạm vi tài sản do ông L và bà L1 để lại, riêng đối với số tiền lãi 7.607.000 đồng không yêu cầu và rút lại phần tính lãi như đơn khởi kiện.

Đối với yêu cầu số tiền vay mượn 250.000.000 đồng không yêu cầu và rút lại yêu cầu khởi kiện.

Yêu cầu duy trì các biện pháp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về “*phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với các tài sản của ông Nguyễn Văn L, và bà Nguyễn Thị Mỹ L1; đảm bảo thi hành án sau này. Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Lê Hữu Đ người đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Huy Đ1 thống nhất trình bày: Nguyên trước đây phía ông Nguyễn Văn Tr (là chú út ruột) và bà Nguyễn Thị Đ (thím út) có vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh PT (Agribank), lúc đó chị H làm việc tại UBND xã PX phụ trách cán bộ giảm nghèo nên thường xuyên đi công tác xuống huyện liên hệ phòng LĐTĐ&XH huyện, Bảo hiểm xã hội huyện, mỗi tuần khoảng 02 đến 03 lần nên chú thím út Tr có nhờ chị đi nộp tiền lãi cho chú thím út tại Ngân hàng (Agribank) từ thời gian khoảng năm 2016 cho đến phát sinh tranh chấp; theo các phiếu chứng từ giao dịch tại Ngân hàng do phía nguyên đơn cung cấp đối với những phiếu chứng từ có chữ ký của chị thì chị H xác định đúng là chữ ký và người nộp tiền thay là do chị H ký tên và nộp thay cho chú thím út tại Ngân hàng, còn các phiếu khác do cha chị H là ông Nguyễn Văn L đi nộp thay cho chú Út thì chị Hiền không biết. Việc ông Tr, bà Đ vay giùm cho cha, mẹ chị Hiền những lần vay tại Ngân hàng thì chị H không biết, cũng không nghe cha, mẹ nói lại nên không biết; lúc đó chị H là người được chú Út nhờ đi nộp thay chứ không phải đi nộp cho cha, mẹ chị. Phía nguyên đơn cho rằng vay giùm cha chị H số tiền vốn vay là 226.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD: 6704-LAV-202001204, ngày 6/5/2020 đem về cho ông L mượn lại và sau đó thêm tiền nhờ chú thím để trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000 đồng; bà Nguyễn Ngọc A số 24 chỉ vàng 24 kara và số tiền 40.000.000 đồng thì chị H không biết, cũng không nghe cha, mẹ nói nên không biết.

Vào năm 2015 phía nguyên đơn cho rằng cha, mẹ ông L, bà L1 có mượn số tiền vốn là 100.000.000 đồng, không có giấy tờ gì sau đó đến tháng 7/2016 thì ông L bán đất có trả được 70.000.000 đồng là đúng, hiện còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng thì chị H đồng ý trả lại nhưng trả dần hàng tháng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn vào ngày 15/10/2020 bổ sung gồm: yêu cầu chị H, anh Huy Đ1 là những người kế thừa nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn L trả số tiền mượn là 250.000.000 theo tờ biên nhận mượn tiền đề ngày 8/5/2019 do ông L ký tên thì không đồng ý do khi xem tờ biên nhận thì xác định chữ ký không phải do ông Nguyễn Văn L ký tên.

Hiện nay đồng ý trả cho phía nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng; không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn về tiền vốn vay và tính lãi khác.

Yêu cầu Tòa án hủy bỏ biện pháp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về “*phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với tài sản của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2020/DS-ST ngày 24/6/2021 của Toà án nhân dân huyện PT đã xử:

Căn cứ: Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 217; Điều 244; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 357; Điều 615 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Huy Đ1.

Buộc chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Huy Đ1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ số tiền tổng cộng là **256.000.000 đồng** (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 chết để lại.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ đối với số tiền vay mượn 250.000.000 đồng và tiền lãi 7.607.000 đồng theo đơn khởi kiện.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 26/10/2020 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang để đảm bảo thi hành án.

Hủy quyết định bảo đảm số 12/2020/QĐBPBĐ, ngày 26/10/2020 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ số tiền bảo đảm là 20.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 26/10/2020 đã nộp vào tài khoản phong tỏa của anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh PT (Viettinbank). theo số tài khoản 101872265620.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Huy Đ1 cùng chịu án phí 12.800.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.590.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001528 ngày 06-10-2020 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp

6.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001628, ngày 23-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/7/2021 bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Huy Đ1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm đối với số tiền 226.000.000đ và 30.000.000đ mà cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn;

Diễn biến tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không thay đổi nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; và có cam kết không cung cấp chứng mới tại giai đoạn phúc thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phát biểu ý kiến: vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền 226.000.000 mà ông Tr đứng ra vay dùm tiền cho ông L và số tiền mượn trước đây chưa trả 30.000.000đ;

Bị đơn phát biểu ý kiến: Cho rằng không có chứng cứ chứng minh ông L vay số tiền 226.000.000đ; không có chứng cứ thể hiện ông Tr vay tiền dùm và đem tiền về đưa lại cho cha tôi không (tức ông L); nên không đồng ý trả số tiền này; riêng số tiền 30.000.000đ thì đồng ý trả;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án cùng các tài liệu cho thấy, có việc ông Tr đứng ra vay tiền về cho ông L mượn lại, thể hiện qua các hợp đồng vay, đóng lãi suất và tất toán nợ đều do ông L và Bé H (con ông L) thực hiện; nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ; bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ và có mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn cùng chứng cứ, lời khai của các đương sự thì thấy;

[3.1] Từ ngày 20/01/2016 cho đến ngày 04/5/2020 ông Tr, bà Đ là người trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh PT (Agribank) để vay tiền nhằm mục đích cho anh ruột là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 mượn lại để làm kinh tế gia đình, các bên thỏa thuận với nhau phía ông L, bà L1 có nghĩa vụ trả tiền lãi định kỳ và số tiền vốn vay cho Ngân hàng khi đến đáo hạn vay. Phía ông L đã thực hiện đúng theo thỏa thuận thể hiện qua 05 lần vay tại Ngân hàng (Agribank); thể hiện các chứng từ giao dịch nộp tiền lãi định kỳ, nộp số tiền vốn gốc cho Ngân hàng đều do ông Nguyễn Văn L và con ruột tên Nguyễn Thị Bé H trực tiếp đi nộp tiền lãi và thực hiện tất toán; Hội đồng xét xử xét thấy, những lần vay này đều do ông Tr, bà Đ trực tiếp ký vay tại Ngân hàng, nhưng định kỳ nộp trả tiền lãi và tiền vốn vay đều do ông L, chị Hiền trực tiếp thực hiện, nhất là những lần tất toán đều do ông L nộp trả cho Ngân hàng; để ông Tr, bà Đ làm thủ tục vay lại; trong một thời gian dài từ năm 2016 đến năm 2020, phía anh Tr, chị Đ không có lần nào thực hiện nghĩa vụ tất toán nợ cho Ngân hàng;

[3.2] Đối với hợp tín dụng lần thứ 6 vào ngày 06/5/2020 tiếp tục vay tại ngân hàng (Agribank) với số tiền vốn là 226.000.000 đồng; nhưng đến ngày 27/5/2020 thì ông L chết, nên đến kỳ nộp lãi cho Ngân hàng thì phía anh Tr có đến yêu cầu chị H, anh Huy Đ1 là con ruột để nộp lãi cho ông L nhưng không thực hiện, làm phát sinh tranh chấp cho đến nay thì thấy;

[3.2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H nại ra rằng tất cả các lần đi nộp tiền lãi định kỳ cho Ngân hàng là đi dùm cho chú ruột ông Tr và thiếu Định; bởi vì, do chị H làm cán bộ xóa đói, giảm nghèo ở xã nên thường xuyên đi công tác lên huyện liên hệ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện, Phòng Bảo hiểm xã hội huyện, mỗi tuần khoảng 02 đến 03 lần nên sẵn đi nộp tiền lãi dùm cho ông Tr (là chú ruột của mình); nhưng lời khai của chị H không phù hợp với những ngày chị H đi công tác tại huyện do phòng Lao động thương binh và xã hội huyện; Phòng Bảo hiểm xã hội huyện thường ấn định những ngày cố định, những ngày chị đi nộp thay lại không trùng với những ngày ấn định của cơ quan huyện cho thấy lời khai của chị Hiền có mâu thuẫn; Chị H xác định đúng chữ viết, ký tên trong phiếu đóng lãi tại Ngân hàng là do chị ký; mặt khác, chị H cũng không lý giải tại sao cha mình là ông L đều đi tất toán các lần vay tại Ngân hàng cho ông Tròn;

[3.2.2] Các lời khai ông Nguyễn Văn H (Anh vợ ông Tr), năm 2020 có cho ông Tr mượn 100.000.000đ, có nghe nói mượn cho anh L để làm thủ tục đáo nợ Ngân hàng, mượn 1 tuần sau vợ chồng ông Tr đã trả lại rồi, nên không có yêu cầu và không còn liên quan gì đối với số tiền này; bà Nguyễn Ngọc A (Bà A là chị ruột ông Tr, em ông L) khai có cho Tròn mượn 24 chỉ vàng 24k và 40.000.000đ, có nghe nói mượn cho anh L để làm thủ tục đáo nợ Ngân hàng; sau đó thì ông Tr đã trả lại nên không còn nợ hay liên quan nữa;

[3.2.3] Tại phiên tòa chị H khai là ông Tr có đến nhà đưa cho ông L tiền 226.000.000đ, nhưng không biết là tiền gì; nhưng thừa nhận các chứng từ giao dịch thể hiện chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn L là do cha của chị ký tên; phù hợp với những người làm chứng đều nghe ông Tr mượn tiền cho ông L đi đáo nợ

Ngân hàng, còn việc thỏa thuận thế nào giữa ông L và ông Tr thì họ không biết; việc vay Ngân hàng và cho ông L mượn lại viễn ra một thời gian dài, không những 01 lần mà tới 05 lần liên tục đều được tất toán xong; chỉ duy nhất lần thứ 6 khi ông L chết (chết ngày 27/5/2020) mới có việc tranh chấp giữa ông Tr và các thừa kế của ông L;

Điều này chứng tỏ có việc thỏa thuận giữa anh em với nhau ông Tr, bà Đ với ông L, bà L1 để đứng ra vay tiền dù là có cơ sở; nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ; do ông L, bà L1 đã chết và để lại tài sản hiện do chị H, anh Huy Đ1 quản lý và không còn ai thuộc hàng thừa hưởng nào khác; nên cần buộc chị H, anh Huy Đ1 thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 226.000.000đ là có căn cứ;

[4] Đối với số tiền 30.000.000 đồng do ông L, bà L1 còn thiếu, thì tại phiên tòa phúc thẩm chị H cũng thừa nhận và đồng ý trả cho anh Tr; nên cấp sơ thẩm buộc trả là có căn cứ; còn việc chị H xin trả dần hàng tháng nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét, cần giữ y như quyết định của án sơ thẩm;

[5] Giai đoạn phúc thẩm, chị H có cung cấp 01 cục USB và nêu nội dung yêu cầu xem xét là nguồn chứng cứ để xem xét giải quyết và trình bày: Thẩm phán Th không đọc lại biên bản và cũng không yêu cầu đương sự đọc lại biên bản, chỉ yêu cầu ký; Luật sư Nghĩa cho rằng Luật sư Đ (đại diện ủy quyền của bị đơn) có thỏa thuận là báo cáo sự thật; người đại diện của Tôi và Tôi (tức H) có thấy vợ chồng Tr vào gặp Thẩm phán Th nhưng không vào Hội trường dự sơ thẩm; cuộc nói chuyện của Tôi (H) với Thẩm phán Th khi nộp đơn kháng cáo ngày 06/7/2021,...vv. Xét thấy, chứng cứ và nội dung trình bày nêu tại mục này không có giá trị pháp lý, không được Hội đồng xét xử chấp nhận;

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, không có chứng cứ gì mới nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở xem xét; giữ y án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát;

[7] Trong vụ án này cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Ngọc A, ông Nguyễn Văn H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp pháp luật; bởi vì số tiền này mượn để tất toán số tiền 250.000.000đ và ông L trả vốn đáo hạn với số tiền là 250.000.000 đồng và lãi là 4.602.740 đồng theo phiếu thu ngày 04/5/2020 của Agribank (đã xong không còn liên quan); ông H, bà A xác định ông Tr, bà Đ đã trả xong tiền mượn nên không còn liên quan gì và không yêu cầu xem xét;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 105, 614, 615 và Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H, anh Nguyễn Văn Huy Đ1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2019/DS-ST ngày 24/6/2021 của Toà án nhân dân huyện PT đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Huy Đ1.

Buộc chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Huy Đ1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ số tiền tổng cộng là 256.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 chết để lại.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ đối với số tiền vay mượn 250.000.000 đồng và tiền lãi 7.607.000 đồng theo đơn khởi kiện.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 26/10/2020 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang để đảm bảo thi hành án.

Hủy quyết định bảo đảm số 12/2020/QĐBPBĐ, ngày 26/10/2020 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ số tiền bảo đảm là 20.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 26/10/2020 đã nộp vào tài khoản phong tỏa của anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị Đ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh PT (Viettinbank).

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé H, anh Nguyễn Văn Huy Đ1 phải chịu án phí 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn Tr, chị Nguyễn Thị Đ được nhận lại số tiền 6.590.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001528 ngày 06-10-2020 và số tiền 6.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001628, ngày 23-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé H, anh Nguyễn Văn Huy Đ1 mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí, mỗi người được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004061 (của chị H) và biên lai thu số 0004062 cùng ngày 06/7/2021(của anh Đ1) của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT (chị H, anh Đ1 đã thực hiện xong);

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo qui định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Để thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn